

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Chiến lược phát triển cơ giới hóa trong trồng trọt đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bình Định

Căn cứ Quyết định số 858/QĐ-TTg ngày 20/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông lâm thủy sản đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 3811/QĐ-UBND ngày 14/9/2021 của UBND tỉnh Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 11-CTr/TU ngày 14/5/2021 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội XX Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2020-2025;

Căn cứ Quyết định số 4547/QĐ-UBND ngày 15/11/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1336/QĐ-UBND ngày 16/4/2024 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án tưới tiên tiến, tiết kiệm nước theo hướng tự động hóa cho cây trồng cạn trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-UBND ngày 02/5/2024 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án phát triển cây trồng chủ lực và cây ăn quả tỉnh Bình Định đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ tình hình phát triển cơ giới hóa nông nghiệp trong trồng trọt trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược phát triển cơ giới hóa trong trồng trọt đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

Phần I

THỰC TRẠNG CƠ GIỚI TRONG TRỒNG TRỌT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH

I. MỨC ĐỘ CƠ GIỚI HÓA TRONG TRỒNG TRỌT

Ứng dụng cơ giới hóa vào các khâu sản xuất và sau thu hoạch trong trồng trọt đang phát triển, đáp ứng với tốc độ đô thị hóa nông thôn, đã giải quyết cơ bản việc thiếu hụt lao động trong thời vụ, góp phần nâng cao năng suất lao động,

thu nhập cho người dân. Đến năm 2023, mức độ cơ giới hóa bình quân các khâu sản xuất chính như sau:

1. Đối với cây trồng chủ lực (lúa, lạc, ngô và rau màu)

- Khâu làm đất: Tỷ lệ cơ giới hóa đạt khoảng 96%. Diện tích chưa được cơ giới hóa là diện tích đất vườn ươm, vùng ruộng trũng sâu, khó khăn trong việc sử dụng máy móc, công cụ vào cơ giới.

- Khâu gieo, trồng: Tỷ lệ cơ giới hóa đạt khoảng 23%; chủ yếu sử dụng máy gieo sạ, cấy trên cây lúa tại một số địa phương (Máy sạ cụm tại xã Nhơn Thọ và xã Nhơn Tân, thị xã An Nhơn; xã Ân Hữu, huyện Hoài Ân; xã Hoài Mỹ, thị xã Hoài Nhơn; máy cấy lúa trong sản xuất lúa hữu cơ tại xã Ân Tín và xã Ân Tường, huyện Hoài Ân) và sử dụng máy móc, công cụ gieo hạt cây ngô, cây lạc.

- Khâu chăm sóc: Tỷ lệ cơ giới hóa đạt khoảng 35%; sử dụng các máy phun thuốc bảo vệ thực vật có động cơ, máy bay phun thuốc không người lái (drone) cho cây lúa; các máy kéo nhỏ, máy kéo đa năng để vun, xới, bón phân cho các loại cây trồng (ngô, lạc, rau màu,...).

- Khâu tưới: Tỷ lệ diện tích gieo trồng cây hàng năm được tưới đạt 92%, trong đó tưới bằng các công trình thủy lợi kiên cố đạt 85%. Áp dụng công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây trồng cạn là 4.719,8 ha; trong đó, tưới cho cây hàng năm là 4.471,0 ha, áp dụng tưới béc phun sương, béc phun xoay, ống tưới phun mưa, tưới nhỏ giọt và tưới cho cây lâu năm (cây ăn quả) là 248,8 ha.

- Khâu thu hoạch: Tỷ lệ cơ giới hóa đạt khoảng 89%. Chủ yếu sử dụng máy gặt đập liên hợp và máy gặt lúa cầm tay (vùng ruộng nhỏ hẹp, manh mún, ruộng bậc thang, giao thông đi lại khó khăn máy gặt đập liên hợp không tiếp cận được) trong thu hoạch lúa, đã giảm đáng kể mức độ gặt sót lúa dưới 1,5%; ứng dụng các loại máy thu hoạch, máy tuốt hạt lạc, máy bóc tẻ hạt đối với ngô, lạc, đậu,...

- Sau thu hoạch: Đối với cây trồng chủ lực trên địa bàn tỉnh chủ yếu cơ giới hóa ở khâu sấy, bảo quản sản phẩm sau thu hoạch từ cây lúa, cây ngô với quy mô nhỏ tập trung ở các hợp tác xã nông nghiệp (HTX nông nghiệp) có thực hiện liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa giống (các HTX nông nghiệp: Phước Hưng, Phước Hiệp, Phước Thuận, Phước Lộc, Phước Sơn II, huyện Tuy Phước; HTX nông nghiệp Cát Tài, huyện Phù Cát; HTX nông nghiệp Ân Tín, huyện Hoài Ân; HTX nông nghiệp Hoài Mỹ, thị xã Hoài Nhơn; HTX nông nghiệp: Nhơn An, Nhơn Hạnh 1, thị xã An Nhơn,...). Và một số doanh nghiệp kinh doanh nông sản, cơ sở sản xuất kinh doanh rau quả tự bỏ vốn đầu tư các máy sấy nông sản (ngô, lúa), sấy rau quả, trái cây các loại.

Việc tận thu phế phụ phẩm sau thu hoạch cây trồng chủ lực trên địa bàn tỉnh chỉ dừng trong sử dụng máy cuộn rom, dây đậu lạc để phục vụ cho chăn nuôi trâu, bò và sản xuất nấm ăn... góp phần đem lại hiệu quả kinh tế cho hộ gia đình, làm giảm thiểu ô nhiễm môi trường ở nông thôn trong tiến trình xây dựng nông thôn mới.

2. Đối với cây ăn quả

Diện tích trồng cây ăn quả trên địa bàn tỉnh năm 2023 là 5.561 ha, chủ yếu các cây: chuối, cây có múi (cam, quýt, bưởi), cây xoài... Việc ứng dụng cơ giới hóa mới tập trung ở khâu làm đất, chăm sóc và khâu tưới đối với cây có múi, cây xoài; cây chuối chủ yếu thực hiện bằng lao động thủ công.

- Khâu làm đất: Tỷ lệ cơ giới hóa đạt khoảng 45%. Chủ yếu sử dụng các loại máy cày tay, máy kéo nhỏ, máy kéo đa năng để vun, xới đất và các thiết bị san ủi, máy xúc, máy đào để trồng cây. Diện tích chưa được cơ giới hóa đối với các hộ nông dân trồng với diện tích nhỏ lẻ, manh mún và chưa có điều kiện kinh tế để đầu tư các máy móc, thiết bị cơ giới hóa.

- Khâu chăm sóc: Tỷ lệ cơ giới hóa đạt khoảng 50%, sử dụng các máy phát cỏ cầm tay để làm cỏ dưới tán cây, máy xới để làm cỏ kết hợp bón phân, máy phun thuốc bảo vệ thực vật bằng máy phun áp lực bán tự động.

- Khâu tưới: Tỷ lệ cơ giới hóa đạt khoảng 70%, áp dụng công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm tự động hoặc bán tự động kết hợp với bón phân như tưới nhỏ giọt, tưới béc phun sương, béc phun xoay tự động.

- Khâu thu hoạch: Chưa được ứng dụng cơ giới hóa, thu hoạch chủ yếu thực hiện bằng lao động thủ công.

3. Nhân lực về cơ giới hoá

3.1. Nhân lực thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về cơ giới hoá

- Thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về cơ giới hóa nông nghiệp từ tỉnh đến địa phương còn hạn chế về cơ chế và nhân lực.

- + Cấp tỉnh: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao Chi cục Phát triển nông thôn thực hiện báo cáo, tổng hợp tình hình thực hiện cơ giới hoá trong tất cả lĩnh vực thuộc ngành nông nghiệp. Chi cục đã phân công 01 công chức thực hiện kiêm nhiệm.

- + Cấp huyện: Giao Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện hoặc Phòng Kinh tế thị xã, thành phố thực hiện, tuy nhiên đa phần làm kiêm nhiệm.

- Chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước từ trung ương đến địa phương mới chỉ quy định về cơ điện nông nghiệp. Do đó, gây khó khăn trong công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực này.

3.2. Nhân lực của hộ nông dân

- Đa số đồng ruộng có quy mô diện tích thửa nhỏ lẻ. Vì vậy việc đầu tư mua sắm máy móc, thiết bị phục vụ cơ giới hoá trên địa bàn tỉnh do nông dân tự đầu tư phục vụ cho sản xuất hộ gia đình, vừa để làm dịch vụ tại địa phương.

- Tổ chức kinh tế tập thể trong nông nghiệp (HTX nông nghiệp, tổ hợp tác) thực hiện dịch vụ cơ giới hoá thông qua giới thiệu, hợp đồng với chủ máy

móc, thiết bị để cung ứng dịch vụ cho các thành viên ở các khâu: làm đất, thu hoạch.

- Lao động được đào tạo còn ít nên việc đáp ứng nhu cầu phát triển cơ giới hóa trong nông nghiệp chưa cao, nông dân sử dụng, vận hành máy móc, thiết bị dựa vào kinh nghiệm.

4. Chính sách hỗ trợ cơ giới hoá

Cơ chế, chính sách của Nhà nước chưa đủ hấp dẫn để thu hút doanh nghiệp đầu tư vào cơ giới hóa nông nghiệp trong đó có trồng trọt; nguồn lực để triển khai các chính sách đã ban hành còn hạn chế, như:

- Trước năm 2020: Thực hiện Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ giảm tổn thất trong nông nghiệp; theo số liệu của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh tỉnh Bình Định, tổng doanh số cho vay từ năm 2015 đến năm 2020 là 22.699 triệu đồng cho 75 khách hàng (chủ yếu là hộ gia đình), với các chủng loại máy chủ yếu như: máy làm đất, san phẳng đồng ruộng, thu hoạch lúa, ngô; máy, thiết bị sử dụng sản xuất giống, nuôi trồng và thu hoạch thủy sản; máy, thiết bị chế biến sản phẩm từ phế phụ phẩm nông nghiệp, thủy sản; các loại máy kéo, động cơ Diesel sử dụng trong nông nghiệp, khai thác đánh bắt thủy sản.

- Từ năm 2021 đến nay: Chưa có cơ chế, chính sách hỗ trợ cho nông dân về cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp, chỉ thực hiện lồng ghép từ chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2019-2025; lồng ghép từ các chương trình khuyến nông, khuyến công, chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể và các chương trình, dự án khác của nhà nước.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt đạt được

Việc áp dụng cơ giới hóa trong trồng trọt đã đem lại hiệu quả kinh tế cho sản xuất nông nghiệp, giúp tăng năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất, nâng cao năng suất cây trồng và góp phần từng bước cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng hiệu quả, bền vững. Cơ giới hóa đã giúp người nông dân đổi mới tư duy, cách làm trong sản xuất nông nghiệp.

Việc đầu tư kiên cố hóa kênh mương nội đồng, xây đắp đường trục nội đồng, bê tông giao thông nông thôn tạo điều kiện thuận lợi cho ứng dụng cơ giới hóa vào sản xuất, góp phần công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Mặc dù, một số khâu có tỷ lệ cơ giới hóa cao, song phần lớn máy móc, thiết bị còn đơn giản, thô sơ, thể hiện hầu hết các máy làm đất công suất nhỏ, chỉ thích hợp với quy mô hộ và đất đai manh mún, nhỏ lẻ; cơ giới hóa chỉ mới tập

trung chủ yếu ở cây lúa.

Việc ứng dụng cơ giới hóa trong sản xuất trồng trọt ngày càng tăng nhưng chưa đồng đều giữa các khâu, các loại cây trồng, một số khâu tỷ lệ cơ giới hóa khá cao như: làm đất, thu hoạch (chủ yếu cây lúa), trong khi đó tỷ lệ cơ giới hóa khâu gieo trồng, chăm sóc và thu hoạch cây trồng cạn, cây ăn quả còn thấp do đồng ruộng có quy mô diện tích nhỏ, manh mún, giao thông nội đồng còn hạn chế, vùng nguyên liệu chưa đồng bộ, cũng như tập quán canh tác của người dân làm ảnh hưởng việc cơ giới hóa đồng bộ và cản trở việc ứng dụng rộng rãi các loại máy nông nghiệp hiện đại; chưa có nhiều công nghệ, máy móc phù hợp và áp dụng hiệu quả trên cây trồng cạn, cây ăn quả.

Thị trường cung cấp máy, thiết bị cơ giới trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh còn hạn chế về số lượng và chủng loại. Giá các loại máy cao, chất lượng không đồng đều, đời sống người dân còn nhiều khó khăn. Đầu tư mới máy móc, thiết bị cơ giới hóa phục vụ sản xuất yêu cầu vốn phải lớn so với khả năng của người dân.

Thực tế hiện nay, người dân sử dụng cơ giới trong trồng trọt chủ yếu là dựa vào kinh nghiệm, thói quen; phần lớn chưa qua đào tạo, bồi dưỡng về kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng máy nên trong quá trình vận hành thường xảy ra sự cố và còn lúng túng trong khâu xử lý, làm giảm hiệu suất sử dụng máy,.... Bên cạnh đó chưa có sự gắn kết giữa doanh nghiệp và người dân trong việc ứng dụng cơ giới hóa, chưa hình thành được đơn vị tư vấn, dịch vụ cơ giới hoá ở địa phương.

Phần II

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CƠ GIỚI HÓA TRONG TRỒNG TRỌT ĐẾN NĂM 2030 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Phát triển cơ giới hóa các khâu trong sản xuất trồng trọt phù hợp với quy mô, trình độ sản xuất của từng vùng, từng loại cây trồng nhất là đối với các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn.

- Phát triển cơ giới hoá trong sản xuất trồng trọt theo hướng cơ giới hoá đồng bộ, theo chuỗi liên kết sản xuất với chế biến, tiêu thụ sản phẩm. Đẩy mạnh sử dụng máy móc, thiết bị, công nghệ tiên tiến, công nghệ số, công nghệ thông minh trong các khâu trong sản xuất.

2. Yêu cầu

- Phát triển cơ giới hóa trong trồng trọt phải gắn với quá trình cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; gắn với chuỗi giá trị thông qua các mô hình liên kết tổ chức sản xuất, bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm quy mô lớn và các Đề án lĩnh vực trồng trọt.

- Đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa Sở, ban, ngành, đoàn thể và chính quyền địa phương, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện. Việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ cần đảm bảo tính khoa học, đồng bộ và hiệu quả.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Đẩy mạnh ứng dụng các loại máy, thiết bị, công nghệ trong sản xuất nông nghiệp, nâng cao mức độ cơ giới hóa các khâu trong sản xuất trồng trọt phù hợp với từng loại cây trồng, lợi thế từng vùng, địa phương, hướng đến cơ giới hóa đồng bộ. Thay đổi tập quán canh tác phân tán, thủ công, lạc hậu sang sản xuất bằng máy, thiết bị tiên tiến, hiện đại có năng suất, chất lượng hiệu quả cao, giảm tổn thất trong và sau thu hoạch sản phẩm.

- Hình thành các cánh đồng lớn, vùng sản xuất hàng hóa tập trung để thúc đẩy ứng dụng cơ giới hóa đồng bộ gắn với chuỗi giá trị, đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp theo hướng hàng hóa quy mô lớn. Tập trung phát triển cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất trồng trọt gắn với các cây trồng chủ lực của tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

a) Mục tiêu cụ thể

- Sản xuất cây trồng chủ lực của tỉnh (lúa, lạc, ngô và rau màu) được ứng dụng cơ giới hóa ở các khâu sản xuất chính đạt trên 70% năm 2025 và đạt trên 85% năm 2030, cơ giới hóa đồng bộ đạt trên 50% năm 2030.

Tỷ lệ tổn thất trong và sau thu hoạch các cây trồng chủ lực giảm từ 0,5% đến 1,0%/năm.

- Sản xuất cây ăn quả được ứng dụng cơ giới hóa ở các khâu sản xuất chính đạt trên 50% năm 2025 và đạt trên 70% năm 2030.

Tập trung phát triển cơ giới hóa các vùng trồng cây ăn quả tập trung theo VietGAP, hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất; canh tác tiên tiến, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị.

- Kêu gọi đầu tư tối thiểu 02 doanh nghiệp chế biến nông sản, có tiềm lực kinh tế vào cụm công nghiệp chế biến nông sản gắn với phát triển các vùng sản xuất nguyên liệu tập trung được cơ giới hóa đồng bộ và kết nối tiêu thụ nông sản

b) Tầm nhìn đến năm 2045

- Phát triển cơ giới hóa đồng bộ các khâu trong sản xuất trồng trọt, ứng dụng công nghệ hiện đại, công nghệ thông minh, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả và bảo vệ môi trường phù hợp với quy mô, trình độ sản xuất, lợi thế

từng loại cây trồng, vùng sản xuất với các tổ chức sản xuất có quy mô lớn theo chuỗi giá trị.

- Khuyến khích phát triển các tổ chức hoặc trung tâm cơ giới hóa nông nghiệp tại các vùng sản xuất tập trung về chế tạo, cung cấp máy, thiết bị, công nghệ, dịch vụ giới hóa nông nghiệp, công nghiệp hỗ trợ, chuyển giao khoa học công nghệ, các ý tưởng đổi mới, sáng tạo để phát triển cơ giới hóa vào sản xuất nông nghiệp.

- Khuyến khích mở rộng cơ sở sơ chế, chế biến, bảo quản đối với những sản phẩm chủ lực, có tiềm năng và lợi thế của tỉnh, gắn với vùng sản xuất nguyên liệu tập trung nhằm tạo động lực thúc đẩy cơ giới hóa, cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất trồng trọt.

III. NỘI DUNG

1. Đối với các cây trồng chủ lực (lúa, ngô, lạc, rau màu): Ưu tiên những mô hình có quy mô lớn, liên kết sản xuất theo chuỗi gia trị, các dự án đầu tư cơ giới hóa đồng bộ tại các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung. Tập trung tăng nhanh tỷ lệ cơ giới hóa ở các khâu trong sản xuất, cụ thể như sau:

- Khâu làm đất: Sử dụng các máy làm đất có năng suất, hiệu quả cao và phù hợp theo từng địa hình, với điều kiện sản xuất tại địa phương. Đến năm 2030, mức độ cơ giới hóa đạt 100%.

- Khâu gieo trồng: Khuyến khích sử dụng các loại máy cấy, máy sạ cụm, sạ hàng,... cho cây lúa và các máy móc, công cụ gieo hạt ngô, lạc. Mức độ cơ giới hóa khâu gieo trồng đạt 40% năm 2025, đạt 70% năm 2030.

- Khâu chăm sóc: Sử dụng các máy phun thuốc bảo vệ thực vật có động cơ, máy bay phun thuốc không người lái (drone); sử dụng các máy kéo nhỏ, máy kéo đa năng để vun, xới cỏ kết hợp với bón phân cho cây ngô, lạc, rau màu. Mức độ cơ giới hóa đạt 40% năm 2025, đạt 70% năm 2030.

- Khâu tưới: Đẩy mạnh việc thực hiện bê tông hóa hệ thống kênh tưới tiêu để giảm tổn thất về nước. Áp dụng công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm như: tưới bằng béc phun sương, béc phun xoay, ống tưới phun mưa và tưới nhỏ giọt cho cây hàng năm (lạc, ngô, rau dừa các loại); tưới bằng công nghệ tưới nhỏ giọt, tưới béc phun xoay theo hướng bán tự động và tự động có điều hòa chất dinh dưỡng cho cây lâu năm. Đến năm 2025, khoảng 25% diện tích được tưới tự động hóa; đến năm 2030, khoảng 40% diện tích được tưới tự động hóa.

- Khâu thu hoạch: Từng bước cơ giới hóa khâu thu hoạch phù hợp với từng loại cây trồng, nhằm đảm bảo giảm tổn thất sau thu hoạch. Thu hoạch lúa bằng máy đạt 95% năm 2025, đạt 100% năm 2030; sử dụng máy gặt đập liên hợp có tính năng kỹ thuật cao, đồng thời kết hợp vận chuyển sử dụng xe cơ giới nhằm giảm mạnh tỷ lệ thất thoát, mức độ hao hụt khâu thu hoạch dưới 1,5%. Ứng dụng các loại máy thu hoạch ngô, lạc,...

- Khâu sau thu hoạch:

+ Áp dụng rộng rãi máy cuộn rơm trong thu hoạch lúa, phát triển các máy cuộn dây đậu lạc nhằm tận thu phế phụ phẩm sau thu hoạch phục vụ cho chăn nuôi và làm nấm ăn.

+ Sấy, bảo quản: Sử dụng các loại máy sấy phù hợp với quy mô, trình độ sản xuất; chú trọng đầu tư các hệ thống tiên tiến gắn với các cơ sở xay xát, dự trữ lương thực lớn. Thay thế dần tồn trữ lúa gạo từ bao sang tồn trữ bằng silô ở các cơ sở xay xát; sử dụng máy, thiết bị dây chuyền công nghệ được tự động hóa, nâng cao năng suất lao động và kiểm soát các thông số kỹ thuật trong quá trình bảo quản nông sản.

Thực hiện bảo quản rau quả tươi tại chỗ theo hướng bảo quản mát đối với một số loại rau quả tươi. Đầu tư phát triển hệ thống sơ chế rau quả tại các hợp tác xã sản xuất rau nhằm hạn chế đến mức thấp nhất tổn thất sau thu hoạch.

b) Đối với các cây ăn quả

Tập trung phát triển các cây ăn quả có lợi thế của tỉnh như: bưởi, xoài; đến năm 2025, tổng diện tích trồng cây ăn quả là 2.270 ha và đến năm 2030 là 3.200 ha. Hình thành vùng sản xuất tập trung theo hướng an toàn và áp dụng các công nghệ cao (trồng theo hướng hữu cơ, VietGap, hệ thống tưới tự động hoặc bán tự động), gắn với phát triển các nhà máy, cơ sở sơ chế, chế biến theo hình thức liên kết chuỗi giá trị bền vững để phát triển cơ giới hóa; đồng thời chuyển đổi đất trồng rừng sản xuất thích hợp sang trồng cây ăn quả tại các địa phương: Hoài Ân, Phù Cát, Tây Sơn, An Lão, Phù Mỹ, Hoài Nhơn.

- Khâu làm đất: Sử dụng rộng rãi các máy móc, công cụ cơ giới hóa trong làm đất như: máy xúc, máy đào, khoan lỗ để lên liếp,... Mức độ cơ giới hóa đạt 50% năm 2025, đạt 70% năm 2030.

- Khâu chăm sóc: Áp dụng các máy phát cỏ để làm cỏ dưới tán cây, máy cày xới để xới cỏ và bón phân; các loại máy phun thuốc bảo vệ thực vật áp lực cao tự động hoặc bán tự động và từng bước sử dụng phun thuốc bảo vệ thực vật bằng máy bay không người lái, nâng mức độ cơ giới hóa khâu chăm sóc đạt 60% năm 2025, đạt 80% năm 2030.

- Khâu tưới: Áp dụng công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm tự động, bán tự động kết hợp hòa dinh dưỡng như tưới nhỏ giọt, tưới béc phun sương, béc phun xoay tự động. Mức độ cơ giới hóa đạt 80% năm 2025, đạt 90% năm 2030.

- Khâu thu hoạch: Cải tiến phương tiện, dụng cụ thu hái đảm bảo chất lượng nguyên liệu trước thu hoạch.

- Sau thu hoạch: Thực hiện bảo quản quả tươi tại chỗ theo hướng bảo quản mát, bọc màng bán thấm,... nhằm hạn chế giảm tổn thất sau thu hoạch.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Hoàn thiện về thể chế, chính sách

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách thu hút đầu tư, phát triển sản xuất, cơ giới hóa nông nghiệp, chế biến nông sản, tạo thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân đầu tư vào sản xuất, chế biến và áp dụng cơ giới hóa trong nông nghiệp như: Quyết định số 38/2019/QĐ-UBND ngày 19/7/2019 của UBND tỉnh ban hành quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2019-2025; Quyết định số 85/2020/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 của UBND tỉnh ban hành Quy định chính sách hỗ trợ kiên cố hóa kênh mương, kênh mương nội đồng giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 04/2021/QĐ-UBND ngày 10/3/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy chế quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 44/2020/QĐ-UBND ngày 28/7/2020 của UBND tỉnh ban hành Quy định mức hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước; Quyết định số 51/2023/QĐ-UBND ngày 21/8/2023 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh Bình Định kèm theo Quyết định số 44/2020/QĐ-UBND,... Đề xuất xây dựng các cơ chế, chính sách thu hút đầu tư, phát triển sản xuất, cơ giới hóa nông nghiệp thực hiện cho giai đoạn 2026-2030 theo quy định hiện hành.

- Đẩy mạnh triển khai các chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; đa dạng hóa các sản phẩm tín dụng phục vụ sản xuất nông nghiệp, nông thôn đặc biệt phục vụ sản xuất nông nghiệp quy mô lớn được cơ giới hóa đồng bộ, ứng dụng công nghệ cao, theo chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

- Thực hiện tốt chính sách về đất đai để khuyến khích và tạo điều kiện tích tụ đất đai và cơ chế phối hợp giữa các ngành, địa phương trong công tác tổ chức sản xuất nông nghiệp hàng hóa lớn được cơ giới hóa đồng bộ phù hợp với điều kiện từng vùng, địa phương.

- Xây dựng, hoàn thiện và điều chỉnh các quy hoạch hiện có về vùng sản xuất các loại cây trồng chủ lực của tỉnh, sản phẩm đặc sản của địa phương; vùng sản xuất ứng dụng công nghệ cao; vùng phát triển sản xuất gắn với du lịch,... phù hợp với quy hoạch chung của tỉnh.

2. Phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn; tổ chức sản xuất nông nghiệp

- Tổ chức lại các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung theo định hướng phát triển nhóm sản phẩm chủ lực cấp tỉnh, sản phẩm đặc sản của địa phương được cơ giới hóa đồng bộ, phù hợp với lợi thế của từng vùng, từng loại cây trồng, đảm bảo cung cấp đủ nguồn nguyên liệu và kết nối với khu chế biến nông sản, khu dịch vụ thương mại nông nghiệp và khu du lịch.

- Đầu tư nâng cấp, hoàn thiện kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn (Quy hoạch, cải tạo, san phẳng đồng ruộng, kiên cố hóa hệ thống tưới tiêu; giao thông nội đồng và giao thông nông thôn, hệ thống điện,...) để phù hợp với việc

đưa máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất, đảm bảo tăng cường liên kết vùng, đáp ứng yêu cầu của nền sản xuất nông nghiệp bền vững, hiện đại với quy mô sản xuất hàng hóa lớn và thích ứng với biến đổi khí hậu; đáp ứng được các yêu cầu về mặt kỹ thuật và có khả năng tích hợp cho các công nghệ tưới tiên tiến hiện đại, tiết kiệm nước đối với các loại cây trồng.

- Đổi mới, phát triển các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp theo hướng nâng cao năng lực và vai trò của các tổ chức hợp tác của nông dân, đẩy mạnh tập trung đất đai, tăng quy mô tạo điều kiện thuận lợi áp dụng cơ giới hóa, cơ giới hóa đồng bộ; tăng cường nghiên cứu, chuyển giao khoa học, công nghệ và kinh doanh dịch vụ cơ giới nông nghiệp; đẩy mạnh hợp tác, liên kết trong sản xuất, chế biến tiêu thụ nông sản, trong đó doanh nghiệp giữ vai trò là “trụ cột” của chuỗi giá trị. Phát triển hợp tác xã trở thành nhân tố kinh tế quan trọng trong sản xuất và tiêu thụ, kết nối các thành phần trong chuỗi giá trị, đặc biệt là doanh nghiệp. Triển khai hiệu quả Quyết định số 3204/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 của UBND tỉnh phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025.

3. Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ

- Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển cơ giới hóa nông nghiệp nhất là ứng dụng khoa học công nghệ để giảm tổn thất sau thu hoạch. Phát triển các hình thức tổ chức kinh doanh dịch vụ cơ giới nông nghiệp; khuyến khích phát triển các doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao để tạo động lực phát triển nông nghiệp hiện đại.

- Khuyến khích các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình đầu tư mua sắm máy, thiết bị mới để hiện đại hóa trong quá trình sản xuất từ khâu làm đất đến thu hoạch nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, an toàn lao động, hiệu quả sản xuất và bảo vệ môi trường. Thực hiện xã hội hóa công tác nghiên cứu khoa học công nghệ, khuyến khích các tổ chức, cá nhân có sáng chế máy, thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp được hưởng các chính sách hỗ trợ của Nhà nước; hỗ trợ vốn mua bản quyền chế tạo máy nông nghiệp, máy có động lực; chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật về cơ điện nông nghiệp thông qua các mô hình khuyến nông, khuyến công.

- Xây dựng và nhân rộng mô hình khuyến nông các quy trình sản xuất tiên tiến vào sản xuất, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, trong đó ưu tiên chuyển giao tiến bộ kỹ thuật thâm canh cây trồng chủ lực của tỉnh và cây ăn quả trồng tập trung theo VietGAP, hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất góp phần đẩy mạnh cơ giới hóa trong sản xuất.

- Nâng cao vai trò của các Trung tâm dịch vụ nông nghiệp cấp huyện trong tư vấn, hỗ trợ phát triển cơ giới hóa.

4. Về phát triển nguồn nhân lực

- Tập trung công tác đào tạo nghề về sửa chữa máy nông nghiệp, cơ khí nông nghiệp, cơ khí thực phẩm, công nghệ sau thu hoạch, công nghệ thực phẩm,... cho nông dân bằng hình thức tập huấn ngắn hạn, chương trình đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn, chương trình khuyến công và các lớp tập huấn chuyển giao tiến bộ kỹ thuật trong vận hành máy, thiết bị phục vụ sản xuất.

- Hàng năm, triển khai xây dựng các mô hình khuyến nông, khuyến công về ứng dụng cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp, sơ chế, chế biến nông sản kết hợp với các lớp tập huấn.

- Tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng cho lực lượng quản lý trong lĩnh vực cơ điện nông nghiệp về khoa học công nghệ, kỹ năng thương mại, phát triển thị trường. Khuyến khích các doanh nghiệp chủ động đào tạo nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ kỹ thuật, công nhân lành nghề đáp ứng yêu cầu vận hành công nghệ tiên tiến, hiện đại.

5. Hợp tác và hội nhập kinh tế quốc tế

- Tăng cường chia sẻ thông tin, trao đổi kinh nghiệm, ứng dụng và chuyển giao công nghệ tiên tiến với các tỉnh, thành phố có trình độ về cơ giới hóa, cơ giới hóa đồng bộ phát triển; các tổ chức quốc tế, các chuyên gia có kinh nghiệm trong lĩnh vực cơ giới hóa nông nghiệp.

- Tăng cường áp dụng quy trình công nghệ, hệ thống quản trị tiên tiến và hiện đại nhằm đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ và năng lực trong cơ giới hóa, cơ giới hóa đồng bộ phù hợp với điều kiện của tỉnh.

- Phát triển mạnh thị trường trong nước, đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại nội địa và khuyến khích tiêu dùng nội địa; tiếp tục hỗ trợ xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu sản phẩm, gắn với mã số vùng trồng và chỉ dẫn địa lý; đẩy mạnh các hoạt động kết nối cung cầu, triển lãm, quảng bá... góp phần thúc đẩy phát triển ứng dụng cơ giới hóa trong sản xuất.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp; kinh phí lồng ghép từ các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, đề án, dự án, kế hoạch liên quan.

2. Các nguồn vốn tài trợ, viện trợ, nguồn vốn hợp pháp khác từ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

3. Vốn đối ứng của các tổ chức, cá nhân: Vốn tự có của các tổ chức, cá nhân; vốn vay từ các tổ chức tín dụng.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức, triển khai thực hiện Kế hoạch; đôn đốc, kiểm tra, giám sát

tình hình thực hiện nhiệm vụ, kịp thời tham mưu đề xuất UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung các nội dung của Kế hoạch cho phù hợp với thực tế. Tổng hợp kết quả thực hiện báo cáo UBND tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn định kỳ hàng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu.

- Chủ trì tổng hợp, phối hợp với các Sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố đề nghị phân bổ kinh phí hàng năm từ các Chương trình mục tiêu quốc gia, các nguồn vốn khác để triển khai thực hiện Kế hoạch; nghiên cứu các cơ chế, chính sách quy định hiện hành của Trung ương về hỗ trợ thúc đẩy cơ giới hoá nông nghiệp, cơ giới hóa đồng bộ để tham mưu, đề xuất cho UBND tỉnh chỉ đạo triển khai thực hiện.

2. Các Sở, ngành có liên quan

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao lồng ghép các nội dung của Kế hoạch vào kế hoạch phát triển của ngành và triển khai thực hiện có hiệu quả; trong đó, tập trung triển khai một số nhiệm vụ trọng tâm theo *Phụ lục đính kèm* tại Kế hoạch này. Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc và kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch; định kỳ 06 tháng (trước 15/6), cuối năm (trước 15/12) báo cáo UBND tỉnh kết quả triển khai, thực hiện thông qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Xây dựng kế hoạch cụ thể hoá các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra trong Kế hoạch để tổ chức triển khai thực hiện; lồng ghép các nội dung, nhiệm vụ vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cân đối ngân sách hàng năm bố trí nguồn vốn để tổ chức triển khai thực hiện.

- Chủ động rà soát quy hoạch sản xuất nông nghiệp theo hướng tập trung, hình thành cánh đồng lớn nhằm tạo điều kiện cho nông dân, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác áp dụng nhanh cơ giới hóa vào các khâu từ sản xuất - bảo quản - chế biến - vận chuyển và tiêu thụ sản phẩm. Chú trọng đổi mới các hình thức tổ chức sản xuất, lựa chọn các loại máy móc, thiết bị có công nghệ tiên tiến phù hợp với điều kiện canh tác tại địa phương.

- Hỗ trợ, tạo điều kiện để các doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư nhà máy chế biến, kho sơ chế và kho bảo quản nông sản trên địa bàn gắn với các vùng nguyên liệu tập trung áp dụng cơ giới hóa trong nông nghiệp, phù hợp với định hướng phát triển chung của tỉnh.

- Triển khai các giải pháp tăng cường kết nối vùng, hướng tới phát triển các cụm liên kết sản xuất, bảo quản, chế biến, tiêu thụ nông sản gắn với vùng nguyên liệu tập trung được áp dụng cơ giới hóa đồng bộ kết nối với cơ sở chế biến nông sản và kênh tiêu thụ, phân phối nông sản. Xây dựng các dự án thí điểm, các chương trình trọng điểm phát triển mô hình cơ giới hóa đồng bộ và chế biến nông sản của địa phương.

- Định kỳ 06 tháng (trước 05/6), cuối năm (trước 05/12) báo cáo tình hình và kết quả thực hiện Kế hoạch về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược phát triển cơ giới hóa trong trồng trọt đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bình Định; yêu cầu các Sở, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh cần sửa đổi, bổ sung, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị báo cáo gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, đề xuất UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh